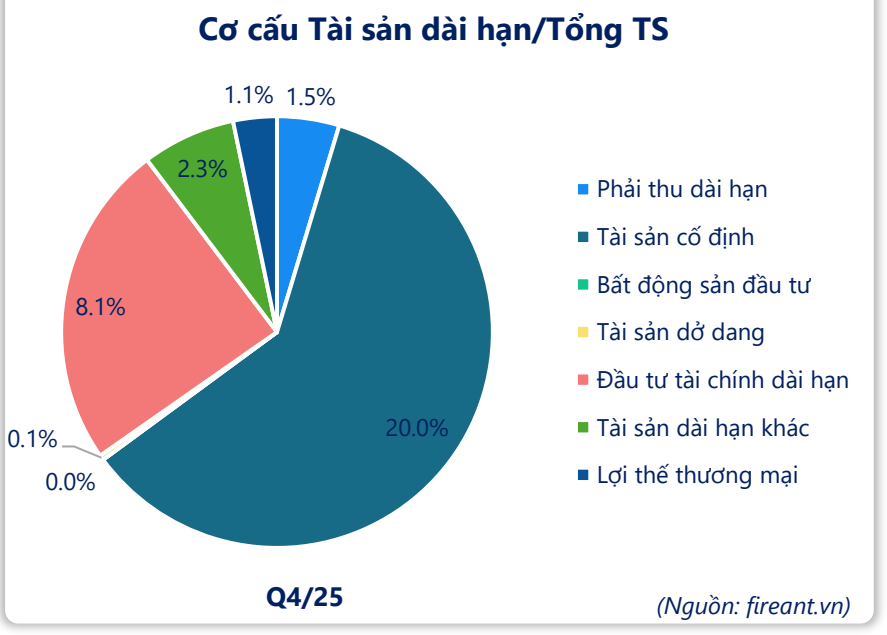
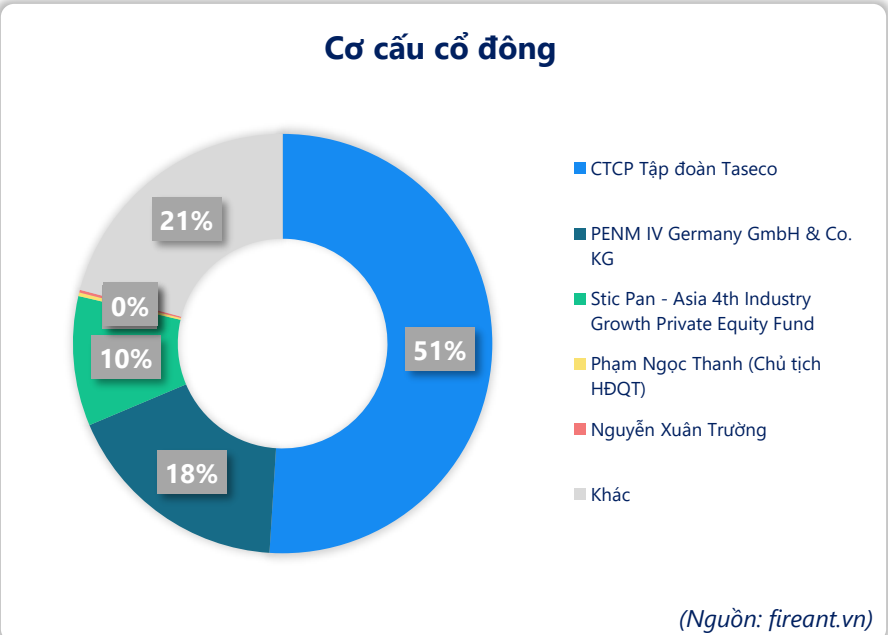
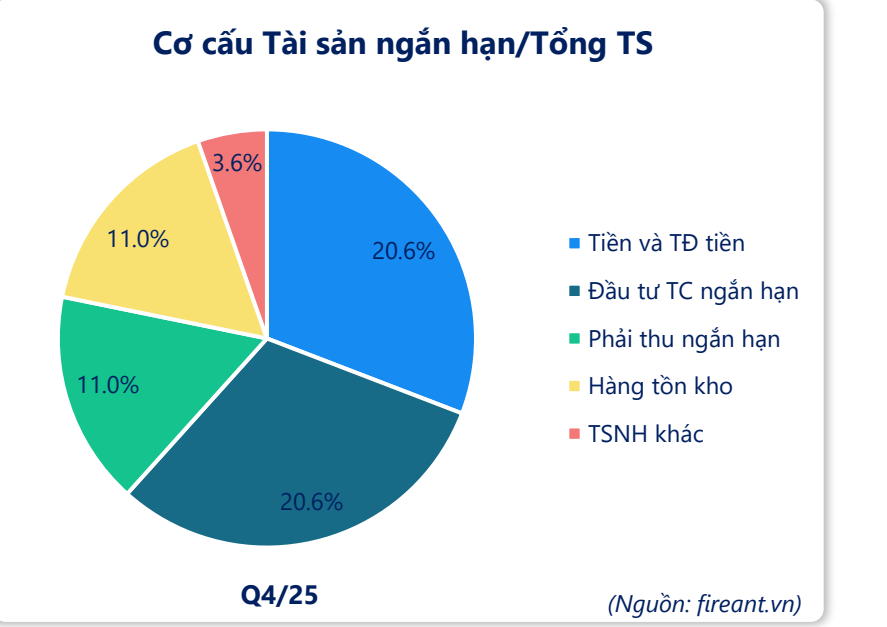
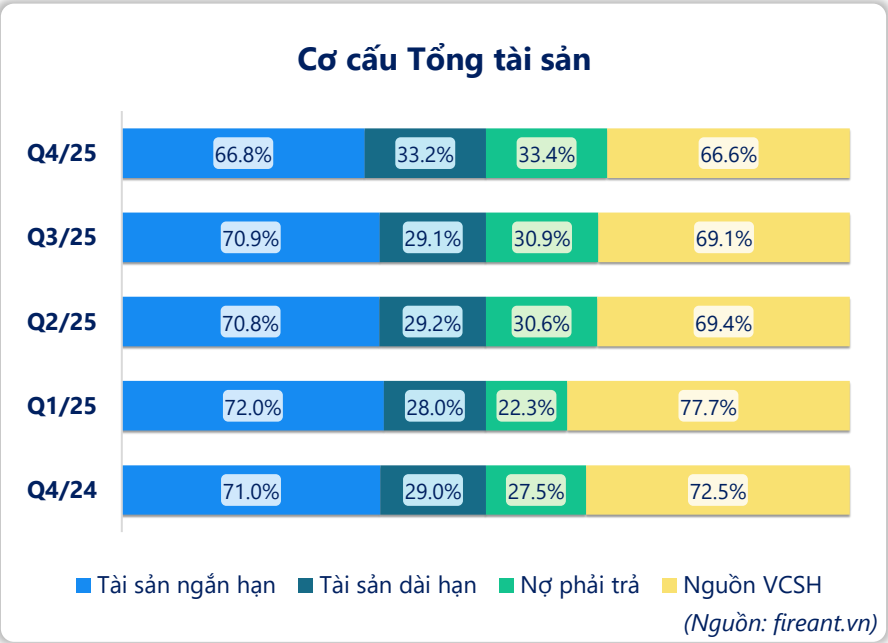
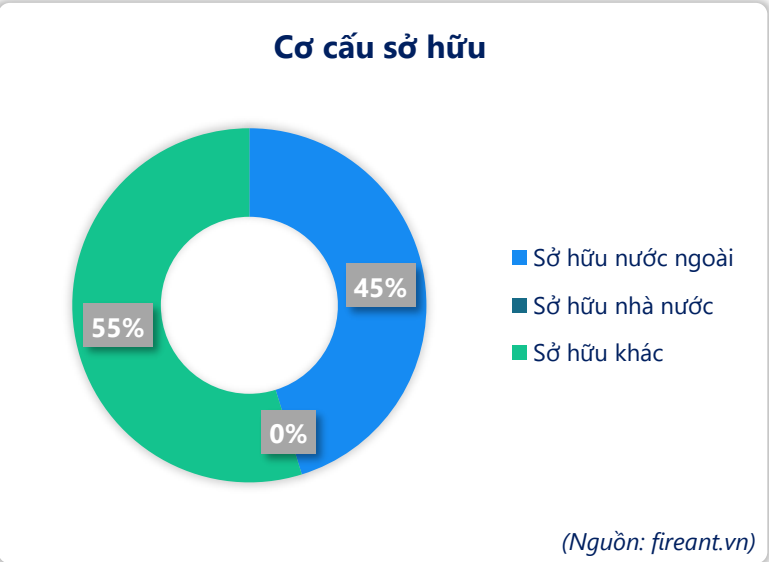
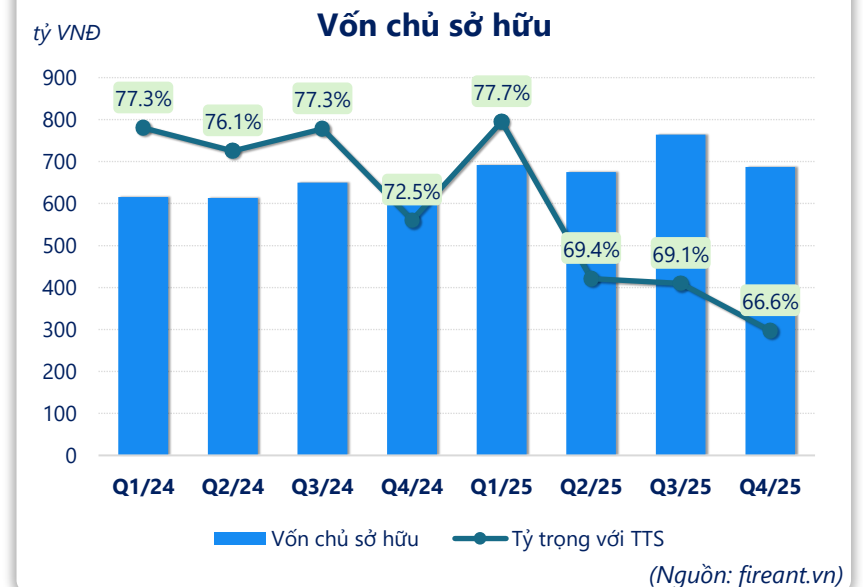
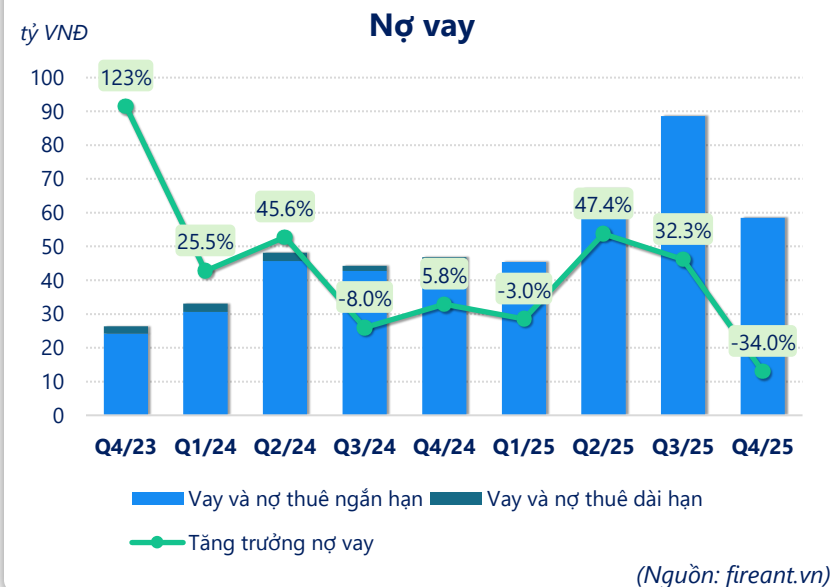
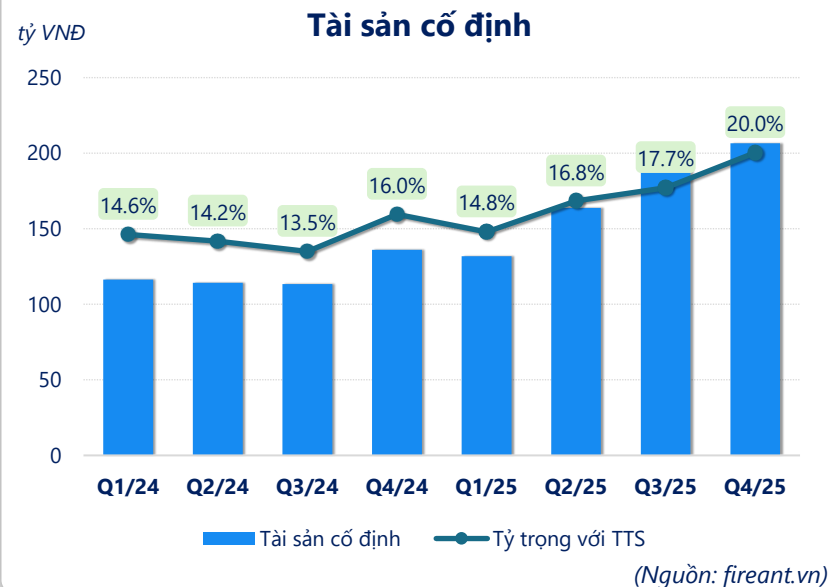
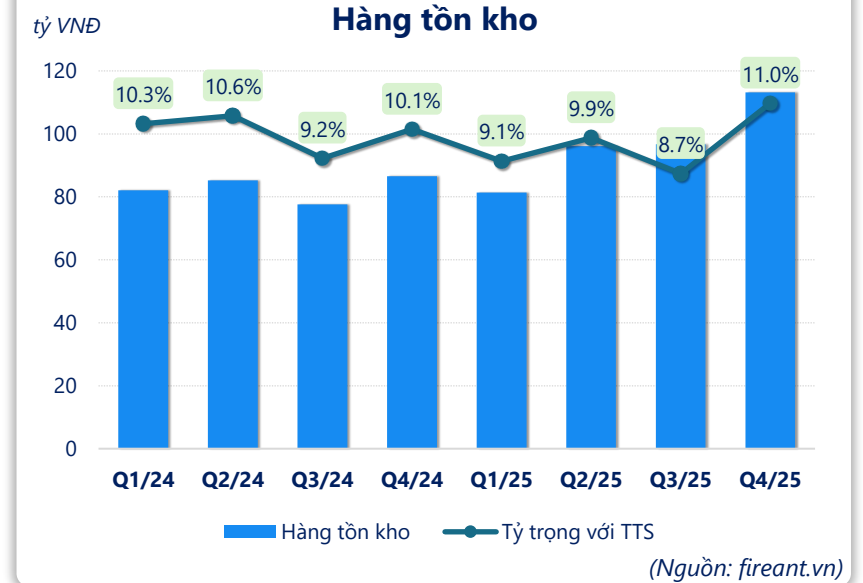
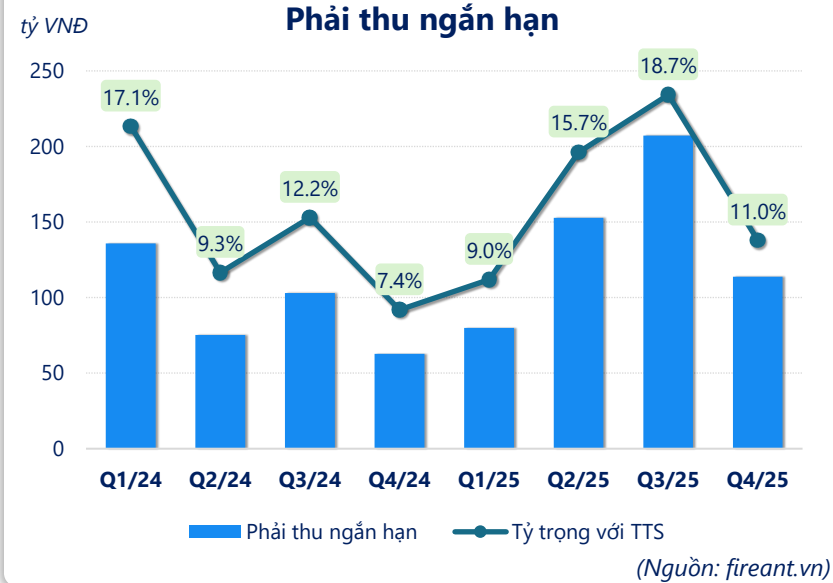
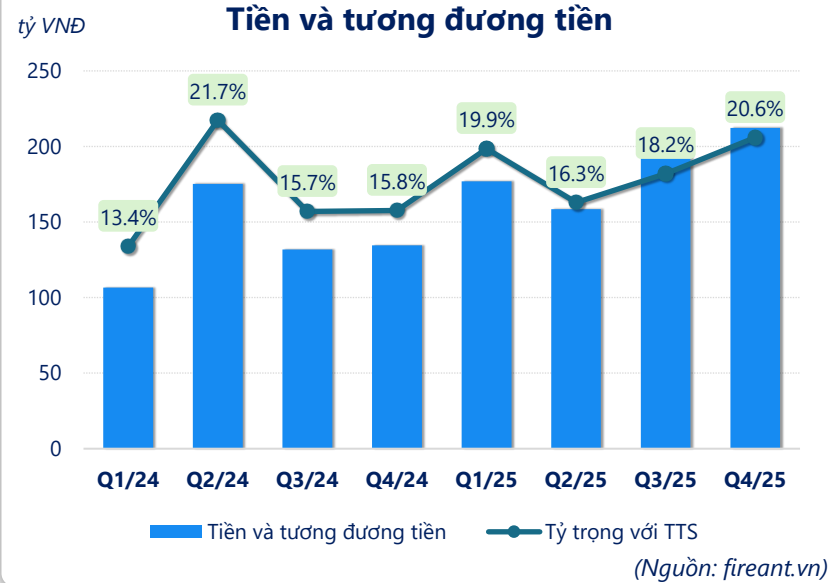
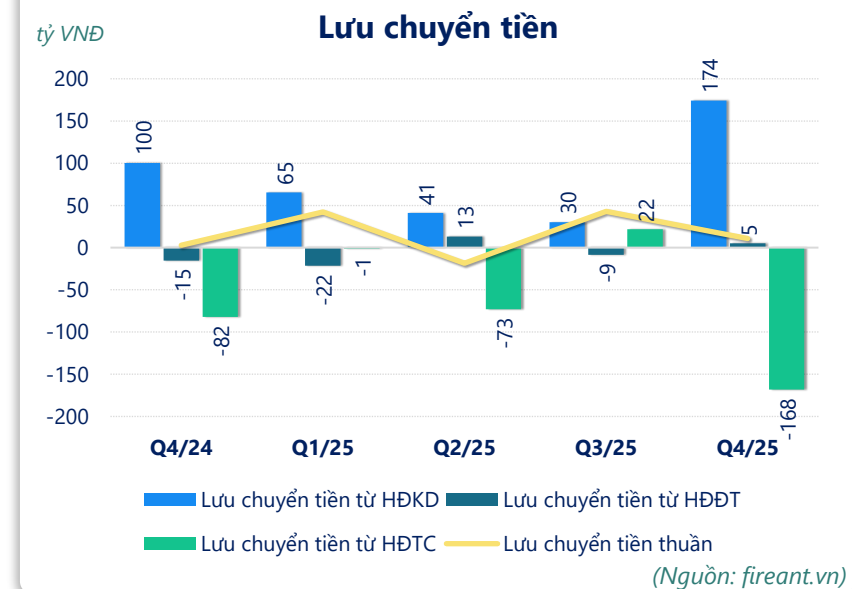
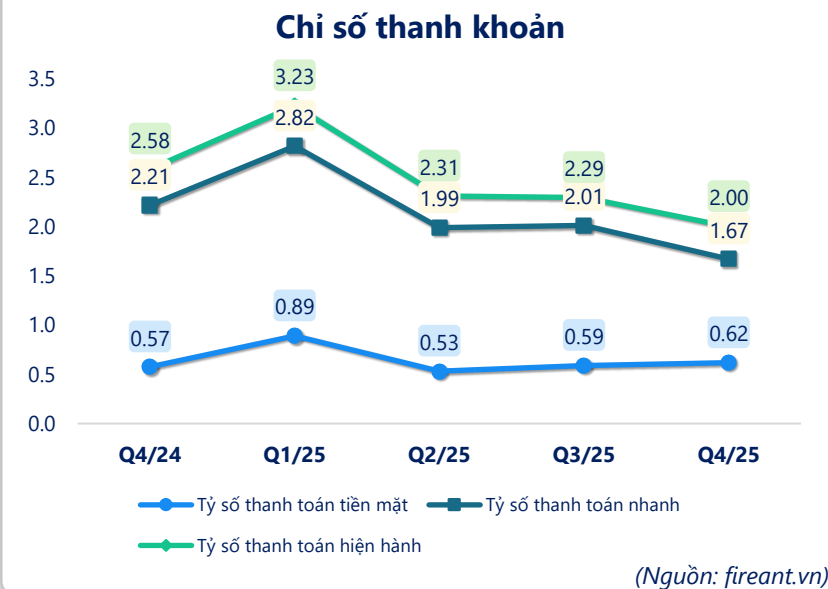
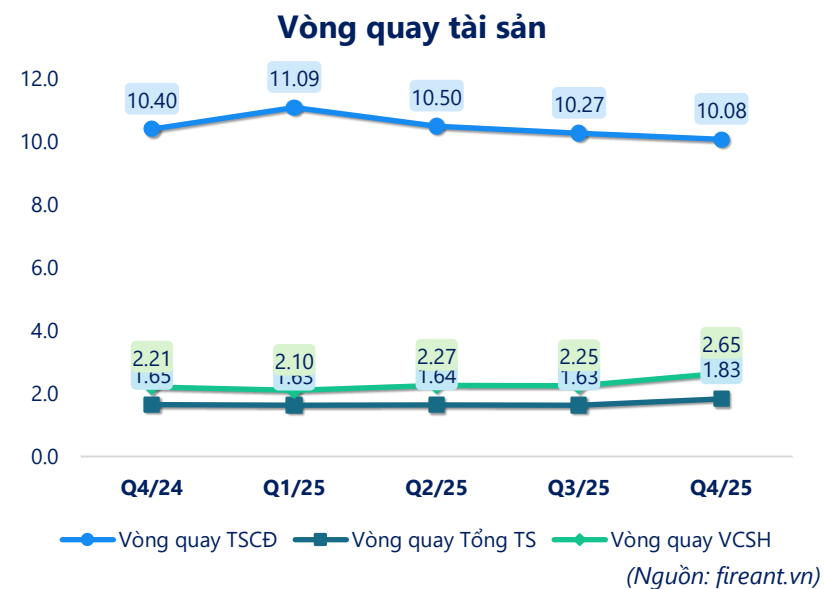
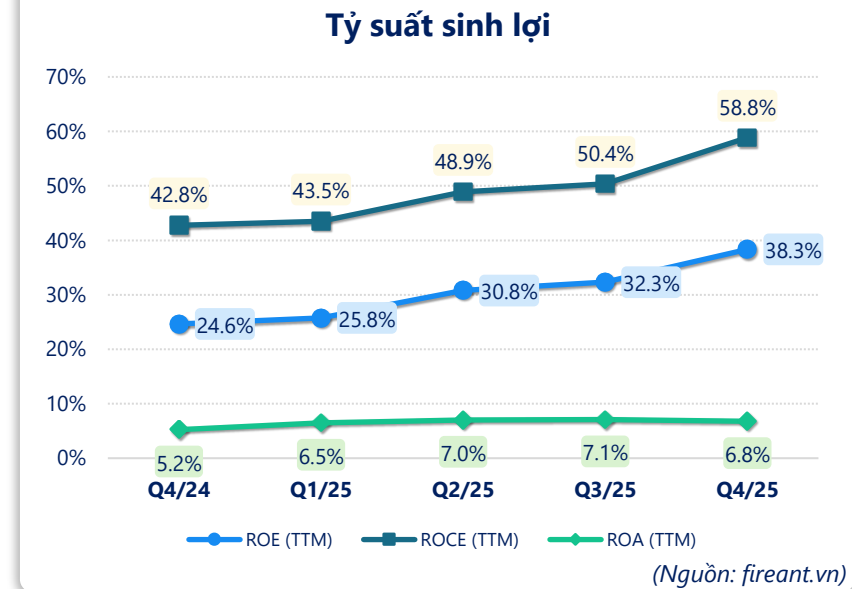
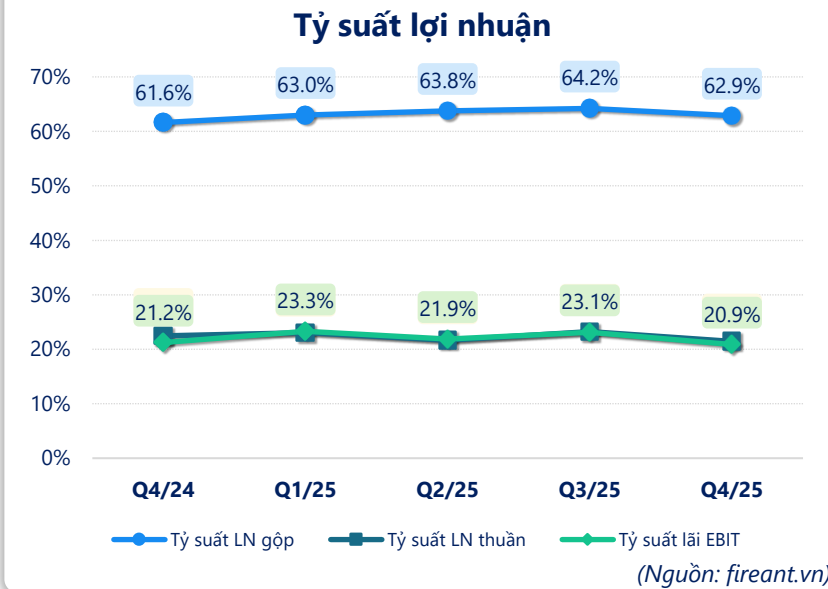
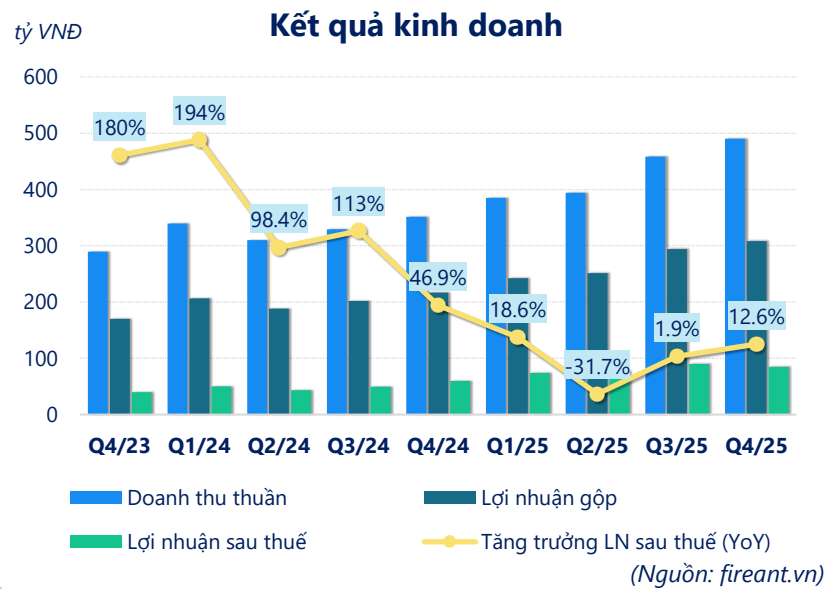


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		77,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		77,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		45,834
SL cổ phiếu LH		45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		9,520
% sở hữu nước ngoài		45.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,465
P/E		13.9
EPS		5,559

	YTD	1T	3T	6T
AST	49.9%	1.4%	7.8%	20.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,031	853	20.9%
Tài sản ngắn hạn	688	606	13.6%
Tiền và tương đương tiền	212	135	57.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	212	297	-28.6%
Phải thu ngắn hạn	114	62.7	81.5%
Hàng tồn kho	113	86.6	30.8%
Tài sản ngắn hạn khác	36.9	24.8	48.6%
Tài sản dài hạn	343	247	38.6%
Phải thu dài hạn	16.0	6.92	131%
Tài sản cố định	207	136	51.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.28	1.43	-10.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	83.7	64.0	30.9%
Tài sản dài hạn khác	24.1	21.4	12.6%
Lợi thế thương mại	11.2	17.7	-36.4%
Nợ phải trả	344	235	46.6%
Nợ ngắn hạn	344	234	46.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	58.4	46.3	26.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	77.7	69.6	11.5%
Nợ dài hạn	0	0.56	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.56	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	687	618	11.1%
Vốn chủ sở hữu	687	618	11.1%
Vốn điều lệ	450	450	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	352	385	394	458	490
Giá vốn hàng bán	135	142	143	164	182
Lợi nhuận gộp	217	243	251	294	308
Doanh thu HĐTC	4.68	4.07	4.00	3.91	3.78
Chi phí TC	0.57	-0.06	1.12	1.40	1.66
Chi phí lãi vay	0.63	0.66	0.70	1.21	1.34
LN trong công ty LKLD	0.47	1.78	4.61	6.00	4.69
Chi phí bán hàng	105	111	120	140	147
Chi phí QLDN	37.0	48.9	53.5	55.9	63.3
LN thuần từ HĐKD	79.0	88.8	85.3	106	105
Lợi nhuận khác	-4.99	0.25	0.22	-1.76	-4.19
LN trước thuế	74.0	89.0	85.5	105	101
Lợi nhuận sau thuế	59.6	73.8	77.5	89.7	84.8
LNST của CĐ cty mẹ	42.1	54.7	62.6	69.1	63.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	100	65.3	41.2	30.0	174
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-15.2	-21.5	13.1	-8.69	5.05
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-82.1	-1.41	-72.8	21.6	-168
Tiền đầu kỳ	132	135	177	158	201
Lưu chuyển tiền thuần	2.78	42.4	-18.5	42.9	10.9
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.12	0.00	0.02	0.01	-0.01
Tiền cuối kỳ	135	177	158	201	212

(Nguồn: fireant.vn)